

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T và  
anh C”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Gia Khải  
2. Ông Đặng Ngọc Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và quyết định quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đào Hoài T, sinh năm 1991

**- Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc C, sinh năm 1987

Cùng nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh C)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đào Hoài T trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Ngọc C tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 23/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh C. Quá trình chung sống đến tháng 01/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, anh C chơi bời cờ bạc, cộng với việc vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 12/2021, vợ chồng ly thân từ đó cho

đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C.

*Về con chung:* Chị và anh Phạm Ngọc C không có con chung. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

*Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình xét xử bị đơn anh Phạm Ngọc C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

*Kết quả xác minh với ông Phạm Công V sinh năm 1962 (là bố đẻ anh Phạm Ngọc C) và cơ sở Thôn X, xã H, huyện P thấy:* Chị Đào Hoài T và anh Phạm Ngọc C là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết do tính tình vợ chồng không hợp nhau, cộng với việc vợ chồng không có con chung. Từ tháng 12/2021 chị T không chung sống tại gia đình anh C nữa. Nay T có đơn xin ly hôn anh C, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh C không có con chung. Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ về tài sản của chị T và anh C.

Anh Phạm Ngọc C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện tại anh C đi làm ở Quảng, gia đình và cơ sở thôn không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở đâu nhưng anh C thường xuyên liên lạc về gia đình.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Đào Hoài T được ly hôn anh Phạm Ngọc C; Về con chung: Chị Đào Hoài T và anh Phạm Ngọc C không có con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Đào Hoài T khởi kiện ly hôn anh Phạm Ngọc C. Do anh C là bị đơn cư trú tại Thôn X, xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Hoài T và anh Phạm Ngọc C xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 21 ngày 23/11/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 01/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không T yêu thương cảm cho nhau, cộng với việc vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 12/2021, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh C không có mặt, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C không có mặt, anh C không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đào Hoài T và anh Phạm Ngọc C không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Đào Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Ngọc C không có ý kiến trình bày nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đào Hoài T phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đào Hoài T và anh Phạm Ngọc C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Hoài T được ly hôn anh Phạm Ngọc C.

2. Về con chung: Chị Đào Hoài T và anh Phạm Ngọc C không có con chung.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Đào Hoài T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004712 ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Đào Hoài T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi đăng ký kết hôn:UBND xã H , h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Duyên**  
(*Đã ký*)